

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Kim Thị Ánh Vân

Thư ký phiên họp: Bà Phan Minh Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1991 nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

- Trần Quốc T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã Đ), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hồng T1- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu chị Đỗ Thị H, quá trình giải quyết việc dân sự chị H trình bày: Năm 2008 chị H có mượn giấy tờ tùy thân của chị gái là Đỗ Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để đi làm công ty. Năm 2012 chị kết hôn với anh Trần Quốc T, sinh năm 1986 ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc). Khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay

là Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) chị H có khai báo với cán bộ đăng ký kết hôn tên chị là Đỗ Thị H1 nên Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã T) đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và tại giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 ngày 13/4/2012 mục họ và tên chồng Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986; mục họ và tên vợ Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985. Tuy nhiên các giấy tờ tùy thân của chị H đều mang tên là Đỗ Thị H, sinh ngày 15/01/1991 do không có sự thống nhất về tên ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn và các giấy tờ tùy thân khác dẫn đến làm các thủ tục hành chính cần đứng tên hai vợ chồng không thể thực hiện được, nên ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng chị H và anh T. Chị và anh T có đến Ủy ban nhân dân xã Đ (nay xã T) để làm thủ tục thay đổi tên ngày tháng năm sinh. Nhưng không thể thực hiện được. Ngoài việc vi phạm lừa dối họ tên, năm sinh thì chị H và anh T không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác, từ sau khi kết hôn đến nay chị H và anh T vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con chung, tài sản chung. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và Đỗ Thị H1 sinh ngày 10/02/1985 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 đăng ký kết hôn ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc).

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Trần Khánh V, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28/01/2015; chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, vay nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị H1 vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt, quá trình giải quyết chị H1 trình bày: Chị là chị gái của chị Đỗ Thị H, năm 2008 chị H1 có cho em gái là chị H, sinh ngày 15/01/1991 mượn giấy tờ tùy thân của chị để đi làm công ty, đến năm 2012 chị H kết hôn với anh Trần Quốc T, sinh năm 1986 ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị H lấy giấy tờ là chứng minh thư nhân dân của chị để đăng ký kết hôn với anh T tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc chị H lấy chứng minh thư nhân dân của chị H1 để đăng ký kết hôn với anh T thể hiện sự gian dối đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ảnh hưởng đến các giấy tờ, thủ tục của chị H1. Hiện tại trên giấy tờ tên của chị là Đỗ Thị H1 có đăng ký kết hôn với 2 người là anh Giang Mạnh T2 và anh Trần Quốc T. Nay chị Đỗ Thị H có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa người có tên Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 ngày 13/4/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc chị H1 đề nghị Tòa

án chấp nhận yêu cầu của chị H, vì việc chị H lấy tên của chị H1 để đăng ký kết hôn với anh T làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị, vì thực tế chị H1 đã đăng ký kết hôn với anh Giang Mạnh T2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt, quá trình giải quyết anh T trình bày: Anh là chồng của chị Đỗ Thị H, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 03/4/2012 trên cơ sở tự nguyện, khi kết hôn hai gia đình tổ chức theo phong tục địa phương và khi đó anh H không để ý đến vấn đề tên, ngày tháng năm sinh của chị H, tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn tại mục họ và tên vợ là Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985. Sau này khi chung sống cùng nhau anh thấy các giấy tờ của vợ anh T đều mang tên Đỗ Thị H, sinh ngày 15/01/1991. Do không có thống nhất về tên và ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn và các giấy tờ tùy thân khác dẫn đến việc sử dụng các giấy tờ làm thủ tục hành chính, vay mượn cần đứng tên hai vợ chồng thì vợ chồng anh không thực hiện được. Vợ chồng anh có đến Ủy ban nhân dân xã Đ để làm thủ tục thay đổi họ tên ngày tháng năm sinh của chị Đỗ Thị H nhưng không thực hiện được. Ngoài việc vi phạm lừa dối họ tên ngày tháng năm sinh vợ chồng anh không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Từ sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì và đã có con chung, tài sản chung. Do vậy anh T đồng ý theo đơn của chị Đỗ Thị H là đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01 ngày 03/4/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giữa Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là cháu Trần Khánh V, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28/01/2015, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, vay nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là xã Đ) vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt, quá trình giải quyết đại diện Ủy ban nhân dân xã T5: Chị Đỗ Thị H, sinh ngày 15/01/1991 trú tại: Thôn T, xã Đ (nay là xã T) có đến Ủy ban nhân dân xã để cải chính họ và tên ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ quy định Luật hộ tịch và các văn bản pháp luật có liên quan thì thẩm quyền cải chính đăng ký kết hôn không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã. Đồng thời chị H có trình bày là trước đây do hiểu biết pháp luật hạn chế nên khi làm thủ tục đăng ký kết hôn đã mượn giấy tờ và thông tin của chị gái là Đỗ Thị H1, nên chị H có yêu

cầu thực hiện thay đổi lại thông tin đúng quy định, nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã.

Theo sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã S thứ tự 11 đăng ký ngày 03/4/2012 có thông tin họ tên vợ là Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985, dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, nơi thường trú: Xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Số CMND 070909885 và thông tin chồng là Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986, dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, nơi thường trú: Khu A, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Số CMND 134341393. Hiện tại, Ủy ban nhân dân xã T có lưu trữ bản photo CCCD Đỗ Thị H1, CCCD Trần Quốc T3, Giấy xác nhận tình trạng kết hôn của bà Đỗ Thị H1, T4 khai đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, công chức tư pháp, hộ tịch và lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã không biết việc chị H dùng giấy tờ của người khác để đăng ký kết hôn, công dân nộp và xuất trình các giấy tờ theo quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2005 về việc đăng ký và quản lý hộ tịch, chị H đã khai báo và xuất trình giấy tờ không trung thực khi làm thủ tục kết hôn.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Trần Khánh V1, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28/01/2015.

Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và chị Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý việc dân sự, xác định đúng thẩm quyền, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần những người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trần Quốc T theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 ngày 03/4/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giữa Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985.

Về lệ phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đỗ Thị H có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986 và Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985. Vì vậy, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điểm b khoản 2 Điều 35, Điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H1, anh Trần Quốc T và đại diện Ủy ban nhân dân xã T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung: Năm 2008 chị Đỗ Thị H có mượn giấy tờ tùy thân của chị gái là Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985 để đi làm công ty. Năm 2012 chị H kết hôn với anh Trần Quốc T, sinh năm 1987 ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc). Khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc chị H có khai báo, nộp các giấy tờ liên quan với cán bộ đăng ký kết hôn tên chị là Đỗ Thị H1 nên Ủy ban nhân dân xã Đ đã thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tại giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01 ngày 03/4/2012 mục họ và tên chồng Trần Quốc T, sinh ngày 04/5/1986, mục họ và tên vợ Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985. Tuy nhiên các giấy tờ tùy thân của chị H như giấy khai sinh, căn cước công dân... đều mang tên là Đỗ Thị H, sinh ngày 15/01/1991, do không có sự thống nhất về tên ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn và các giấy tờ tùy thân khác dẫn đến làm các thủ tục hành chính cần đứng tên hai vợ chồng không thể thực hiện được, nên ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng chị H và anh T. Việc chị Đỗ Thị H sử dụng giấy tờ của chị gái tên là Đỗ Thị H1, sinh ngày 10/02/1985, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để đăng ký kết hôn với anh Trần Quốc T nhằm lợi dụng kết hôn để hưởng chế độ theo công ty khi đi làm là lừa dối kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn chị H và anh T chung sống hạnh phúc, ngoài việc vi phạm lừa dối họ tên ngày tháng năm sinh vợ chồng anh không vi phạm điều kiện kết

hôn nào khác. Tuy nhiên, do không có thống nhất về tên và ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn và các giấy tờ tùy thân khác dẫn đến việc sử dụng các giấy tờ thủ tục hành chính cần đứng tên hai vợ chồng chị H, anh T không thực hiện được, nay chị H mong muốn hủy kết hôn trái pháp luật để chị và anh T sẽ thực hiện việc đăng ký kết hôn lại. Mặt khác anh T và chị H1 đều nhất trí việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Đỗ Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh Ủy ban nhân dân xã T cũng xác định chị H, anh T đã lừa dối khai báo họ tên năm sinh và lấy tên, nộp các giấy tờ tùy thân của chị Đỗ Thị H1 để thực hiện việc đăng ký kết hôn và cũng xác định chị H, anh T vẫn đang chung sống cùng nhau.

Từ phân tích trên, thấy rằng việc đăng ký kết hôn giữa chị Đỗ Thị H1 và anh Trần Quốc T đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Quốc T và chị Đỗ Thị H1 là có căn cứ

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ.

[5] Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Quốc T và chị Đỗ Thị H1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 quyền số 01 ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về lệ phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000641 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Tây Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Kim Thị Ánh Vân